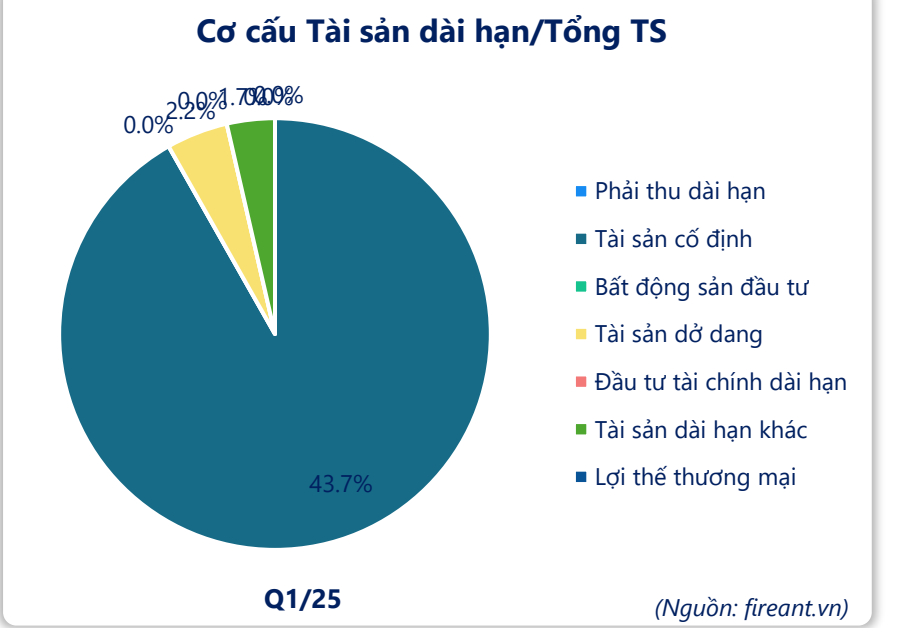
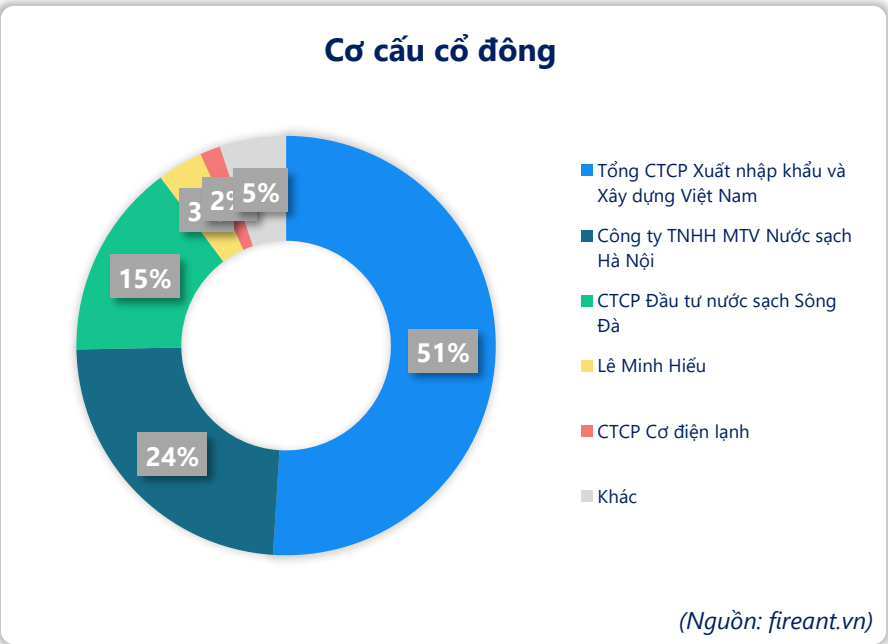
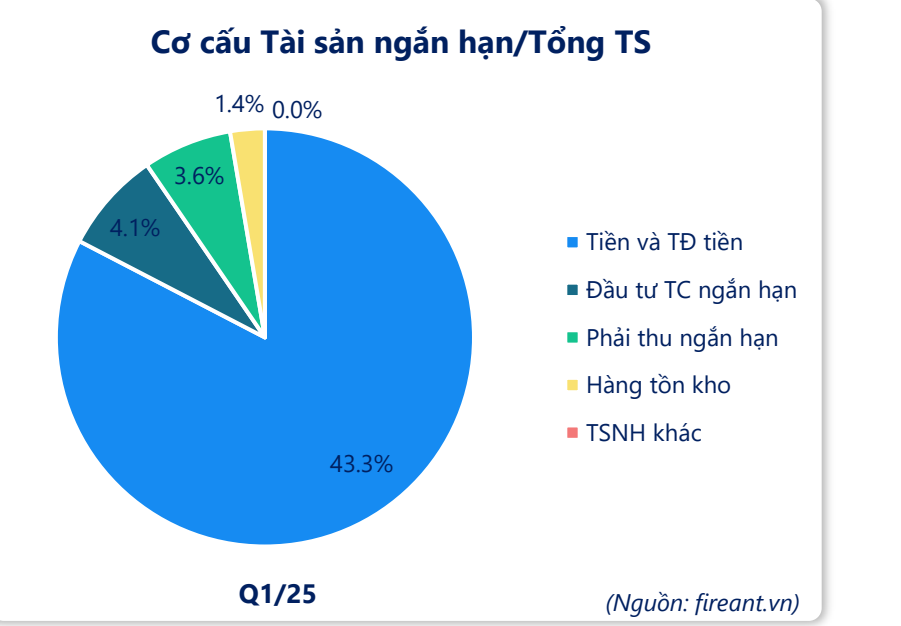
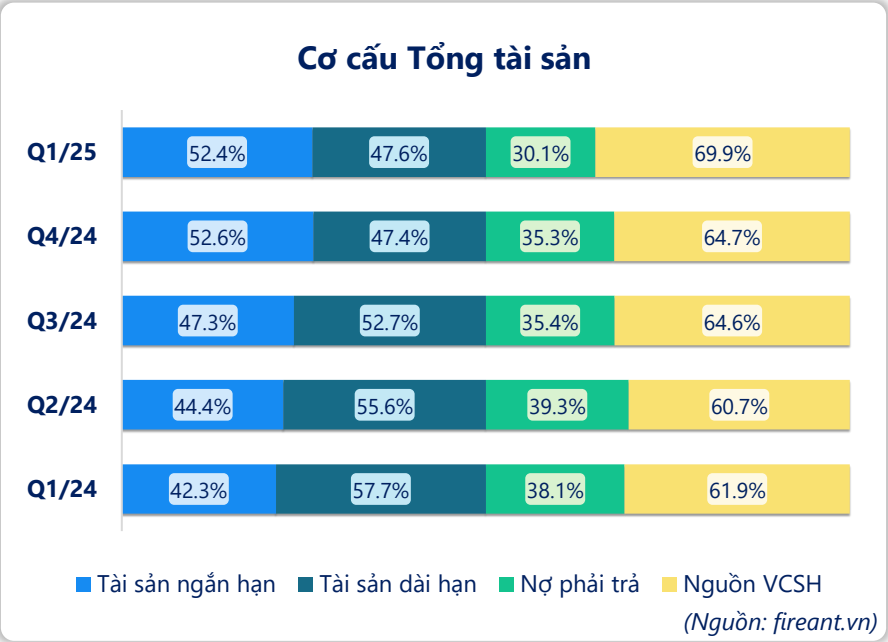
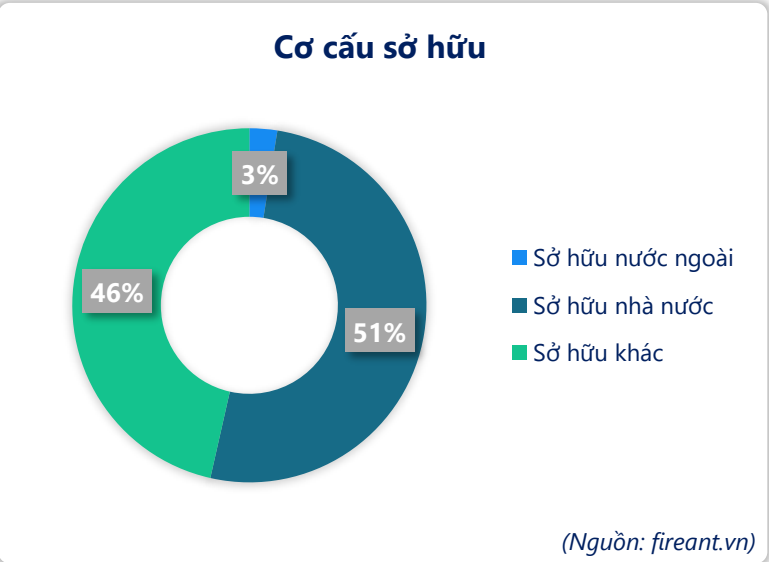
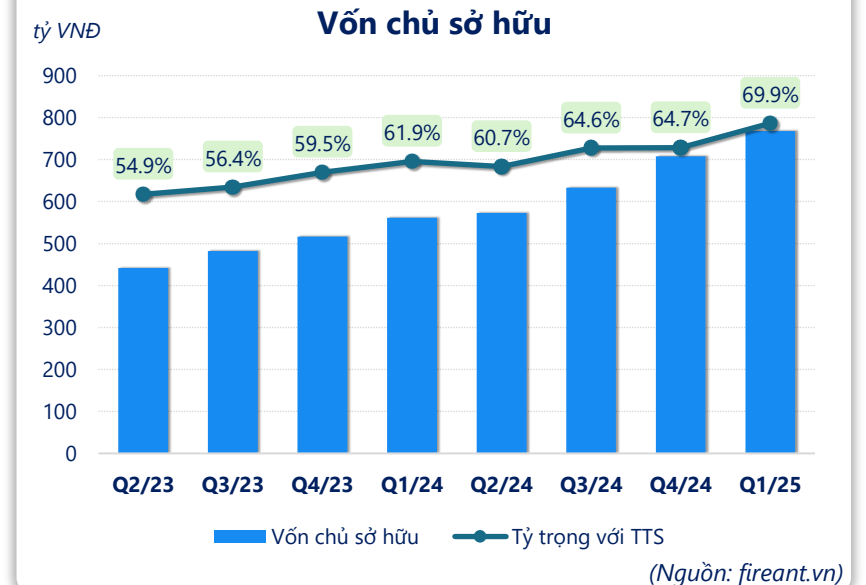
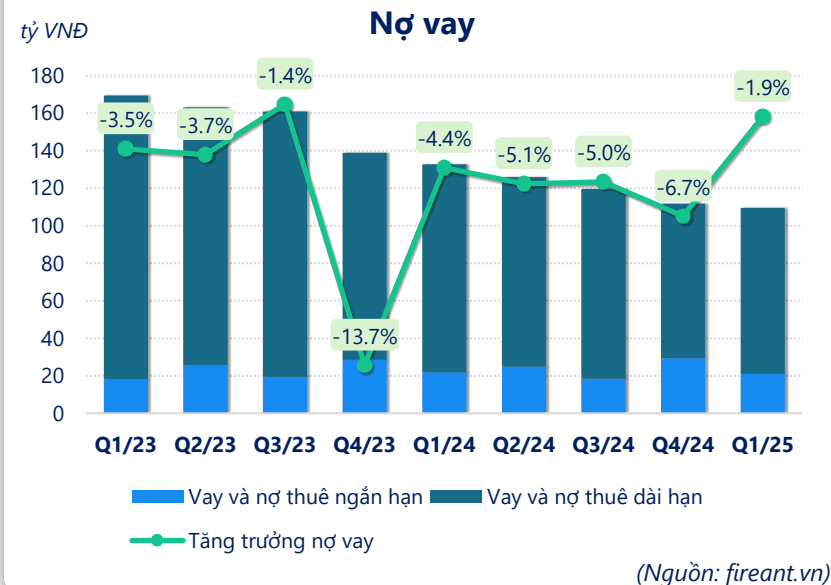
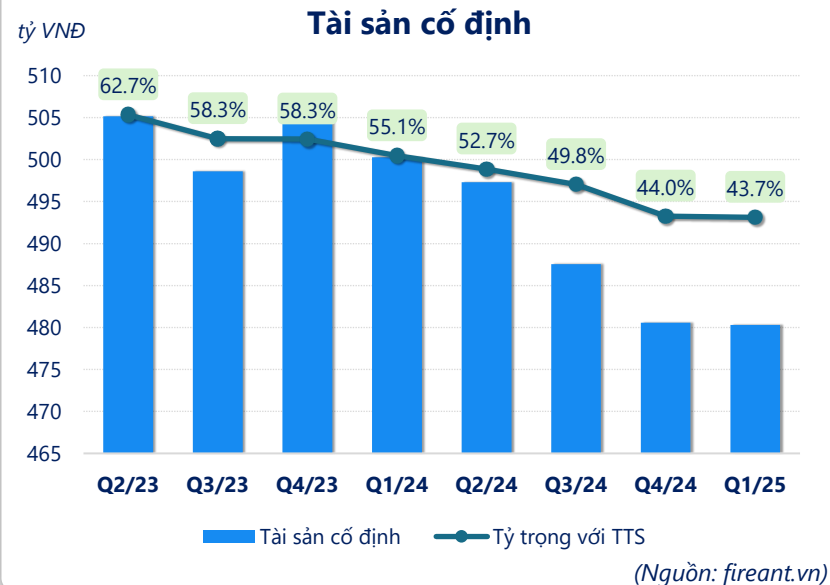
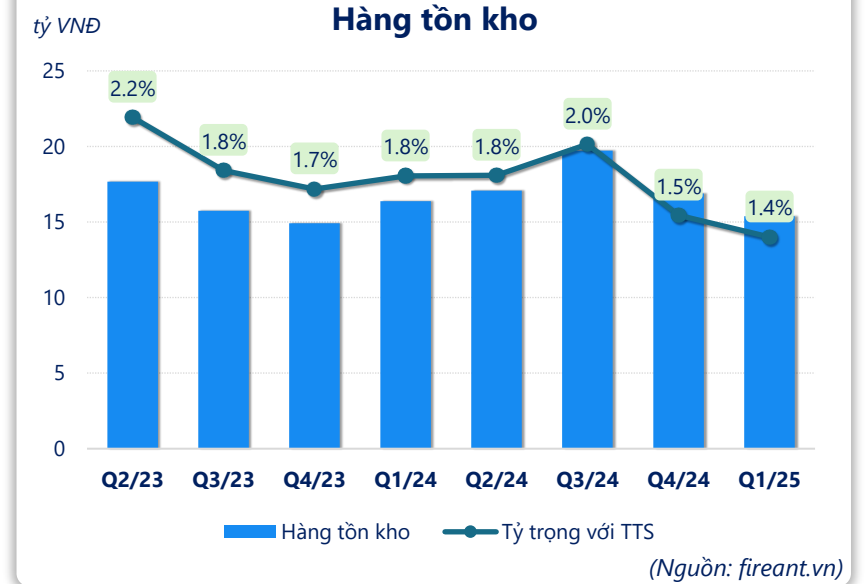
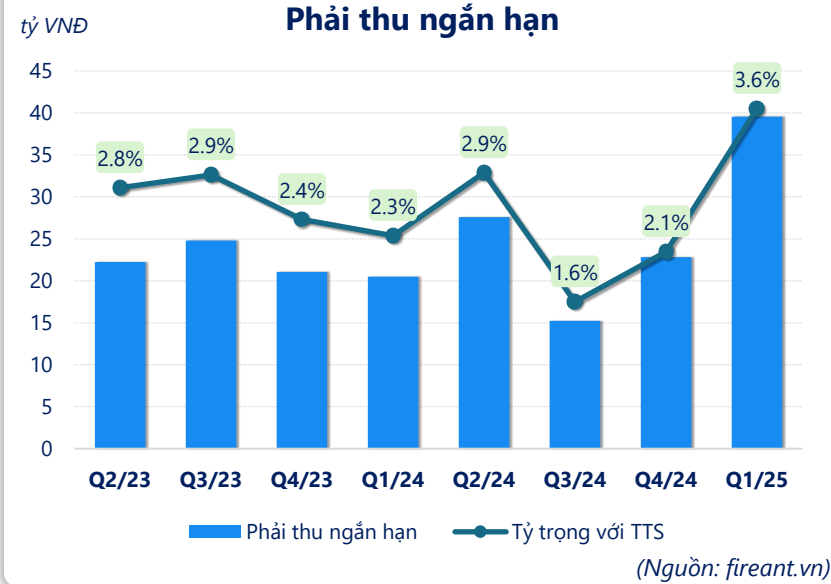
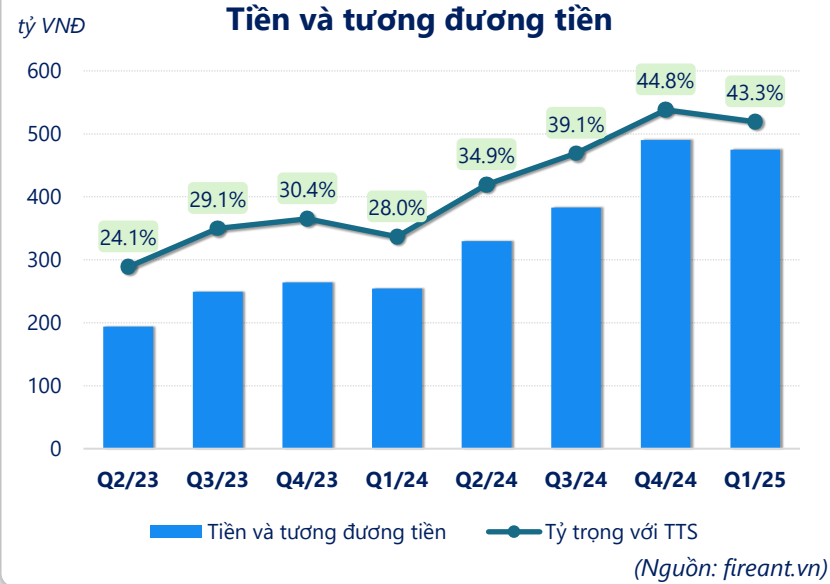
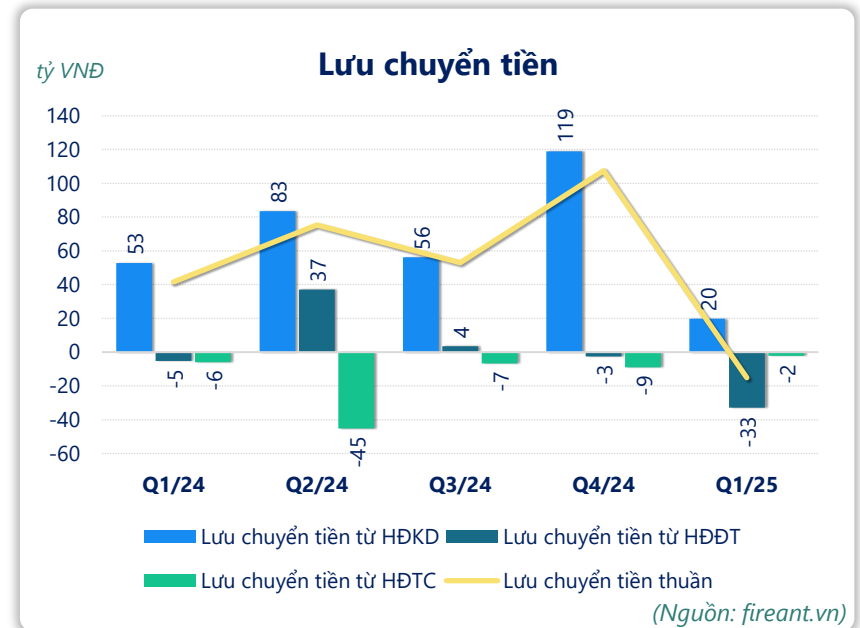
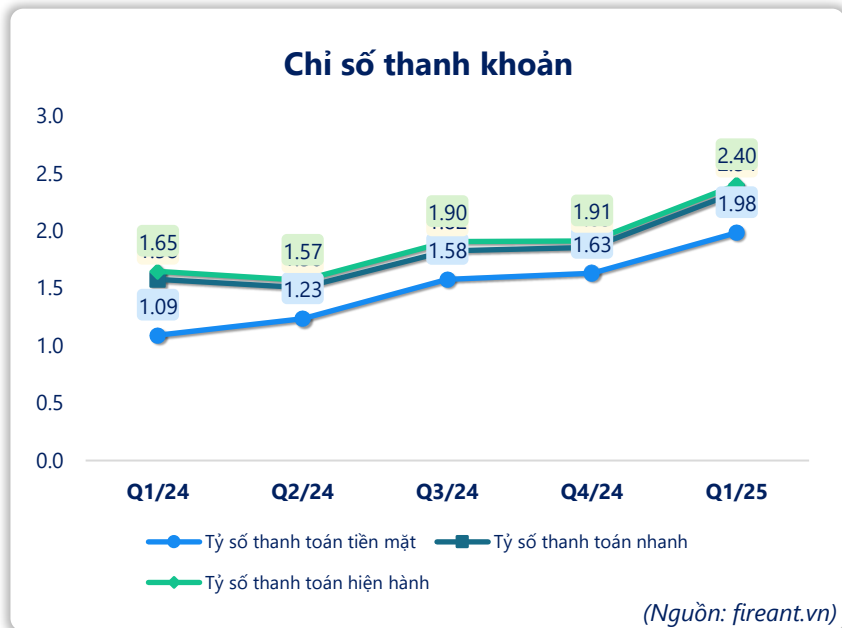
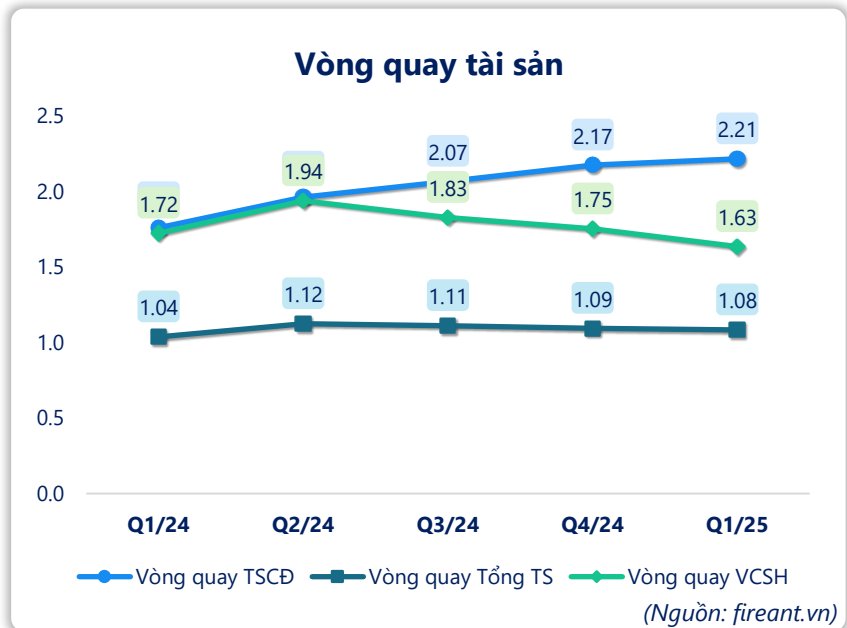
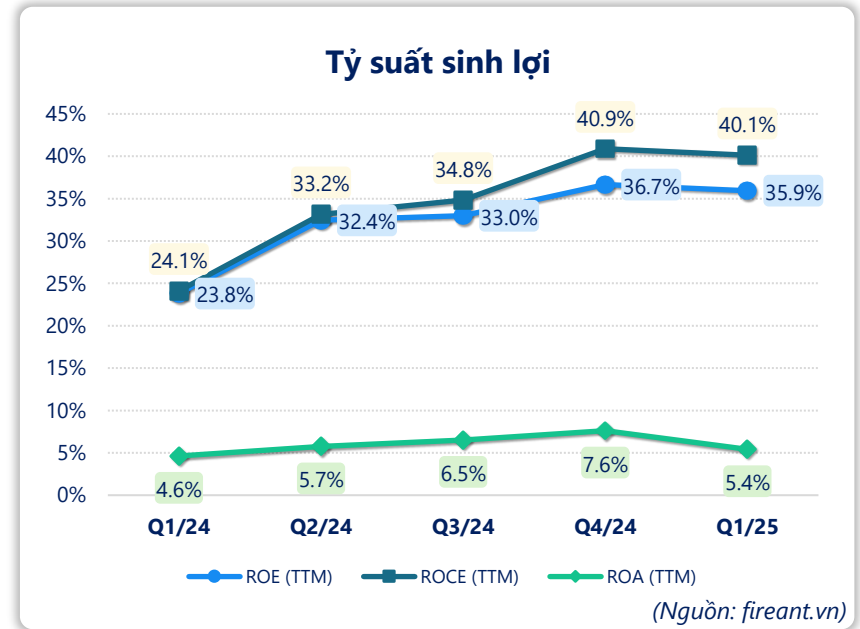
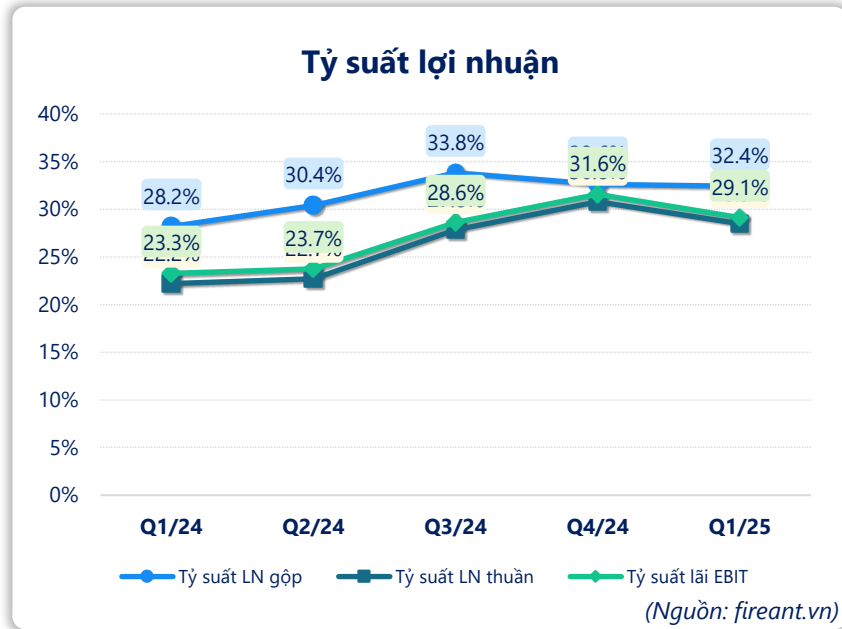
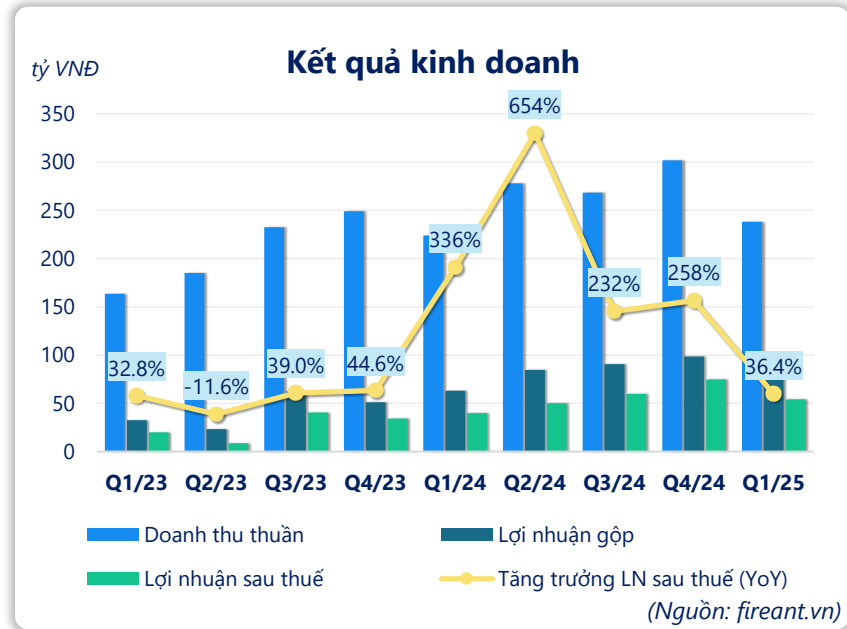


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		61,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		66,098
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		35,396
SL cổ phiếu LH		32,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,980
% sở hữu nước ngoài		2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,978
P/E		8.3
EPS		7,463

	YTD	1T	3T	6T
VAV	26.4%	-6.4%	29.0%	49.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,098	1,114	-1.4%
Tài sản ngắn hạn	575	575	0.0%
Tiền và tương đương tiền	475	490	-3.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	45.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	39.5	22.2	78.1%
Hàng tồn kho	15.4	17.0	-9.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.51	-100%
Tài sản dài hạn	523	539	-2.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	480	496	-3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.1	23.0	4.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	18.8	20.6	-8.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	330	400	-17.5%
Nợ ngắn hạn	240	313	-23.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.0	27.0	-22.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	98.1	146	-32.9%
Nợ dài hạn	90.8	87.1	4.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	88.5	84.7	4.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	768	713	7.6%
Vốn chủ sở hữu	768	713	7.6%
Vốn điều lệ	320	320	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	224	278	268	302	238
Giá vốn hàng bán	161	193	178	203	161
Lợi nhuận gộp	63.1	84.5	90.7	98.4	77.2
Doanh thu HĐTC	2.85	2.49	3.24	4.47	4.86
Chi phí TC	2.39	2.88	2.04	1.87	1.58
Chi phí lãi vay	2.39	2.88	2.04	1.87	1.58
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	9.57	5.48	12.3	2.79	7.90
Chi phí QLDN	4.32	15.5	4.98	5.33	4.79
LN thuần từ HĐKD	49.7	63.1	74.6	92.9	67.8
Lợi nhuận khác	0.02	0.00	0.05	0.46	0.00
LN trước thuế	49.7	63.1	74.7	93.4	67.8
Lợi nhuận sau thuế	39.8	50.2	59.8	74.6	54.2
LNST của CĐ cty mẹ	39.8	50.2	59.8	74.6	54.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	52.8	83.4	56.1	119	19.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.17	37.1	3.53	-2.64	-32.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.06	-45.2	-6.72	-8.92	-2.17
Tiền đầu kỳ	213	254	330	383	490
Lưu chuyển tiền thuần	41.6	75.3	52.9	107	-15.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	254	330	383	490	475

(Nguồn: fireant.vn)